SỞ TƯ PHÁP
TỈNH BÀ RỊA
VŨNG TÀU
Digitally signed by SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU
DN: c=VN, st=Bà Rịa-Vũng Tàu, l=Tp.Bà Rịa, cn=SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500287275
Date: 2016.09.07 15:50:20 +07'00'

XD

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24 /2016/QĐ-UBND	*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 12 tháng 8 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 4664
Ngày 18/8/2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về việc đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BNG ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 51/TTr-SKHĐT ngày 14 tháng 7 năm 2016 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Các Bộ: Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN;
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Website Cải cách hành chính tỉnh;
- Lưu: VT, TH6. (28)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài (sau đây viết tắt là PCPNN) bao gồm công tác vận động, đàm phán, ký kết, thẩm định, phê duyệt, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Bên tài trợ bao gồm các tổ chức PCPNN, tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các hoạt động từ thiện, nhân đạo và viện trợ góp phần phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Bên tiếp nhận bao gồm các cơ quan, đơn vị của tỉnh và các tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

2. Các khoản viện trợ PCPNN khi được tiếp nhận và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên tài trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Không tiếp nhận những hàng hóa thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của Nhà nước.

4. Các khoản viện trợ PCPNN (ngoại trừ cứu trợ khẩn cấp) chỉ được triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

5. Sau 06 (sáu) tháng kể từ ngày chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận, nếu chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ đó chưa triển khai thực hiện mà không có lý do chính đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi quyết định phê duyệt tiếp nhận chương trình; dự án hoặc khoản viện trợ đã ký kết, và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

Chương II

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 3. Vận động viện trợ PCPNN

1. Vận động viện trợ PCPNN bao gồm: Vận động cho các mục tiêu phát triển trên cơ sở nhu cầu, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, đầu tư công cộng, thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của tỉnh và các ngành, các cấp trong từng giai đoạn; vận động cho mục đích nhân đạo và vận động cứu trợ khẩn cấp.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân tích cực, chủ động tham gia vận động viện trợ PCPNN theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quan hệ viện trợ với các tổ chức PCPNN.

Căn cứ chương trình xúc tiến vận động viện trợ PCPNN của tỉnh theo từng giai đoạn, hàng năm các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng các chương trình, dự án, lĩnh vực ưu tiên cần kêu gọi viện trợ PCPNN để phối hợp tổ chức xúc tiến quan hệ, vận động viện trợ.

3. Trong trường hợp cần vận động viện trợ khẩn cấp (khi có thiên tai hoặc thảm họa khác gây hậu quả nghiêm trọng), các cơ quan, đơn vị trong vùng bị thiệt hại phải đánh giá mức độ thiệt hại, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, kêu gọi viện trợ khẩn cấp với cộng đồng quốc tế.

Điều 4. Đàm phán, ký kết viện trợ PCPNN

1. Các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì đàm phán hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đàm phán.

2. Việc ký kết văn kiện chương trình, dự án hoặc thỏa thuận viện trợ PCPNN được thực hiện theo các quy định hiện hành, và chỉ tiến hành sau khi văn kiện chương trình, dự án hoặc bản dự thảo thỏa thuận viện trợ PCPNN đối với các khoản viện trợ PCPNN đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyệt và được cơ quan chủ quản thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên tài trợ.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TIẾP NHẬN VÀ QUẢN LÝ CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại tiết a, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Các đơn vị tham gia thẩm định khoản viện trợ PCPNN gồm: Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tùy thuộc vào việc liên quan đến khoản viện trợ PCPNN đó.

Điều 6. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt tiếp nhận viện trợ PCPNN

Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt tiếp nhận các khoản viện trợ PCPNN gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư bao gồm:

1. Đối với văn kiện chương trình, dự án PCPNN:

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Cơ quan chủ quản hoặc Chủ khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp Cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) đối với các khoản viện trợ PCPNN.

b) Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó. Về hàng hóa viện trợ đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới.

c) Dự thảo văn kiện chương trình, dự án danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình, dự án sau này).

Trường hợp dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ PCPNN thì nội dung dự án phải được xây dựng theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng công trình, bổ sung thêm lý do sử dụng vốn viện trợ PCPNN.

d) Bản sao Giấy đăng ký hoạt động hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của bên tài trợ. Các bản sao cần được chứng thực để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.

2. Đối với khoản viện trợ phi dự án, hồ sơ bao gồm các văn bản sau đây:

a) Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Cơ quan chủ quản hoặc Chủ khoản viện trợ PCPNN (trong trường hợp Cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý) thể hiện các nội dung chủ yếu:

- Trị giá của khoản viện trợ phi dự án.

- Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với định hướng, kế hoạch dài hạn phát triển, nhu cầu cụ thể của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN.

- Phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện.

- Khả năng đóng góp của phía Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi dự án.

b) Văn bản của Bên tài trợ thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ phi dự án đó. Đối với khoản hàng hóa đã qua sử dụng thì Bên tài trợ phải có văn bản xác nhận khoản hàng hóa đó còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới.

c) Các văn bản ghi nhớ với Bên tài trợ; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ; nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận.

3. Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện, trang thiết bị máy móc, hàng hóa đã qua sử dụng thì ngoài các văn bản đã quy định trên, cần có các văn bản sau:

a) Bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên tài trợ.

b) Giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên tài trợ. Trong trường hợp có phương tiện, trang thiết bị máy móc, hàng hóa tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

c) Văn bản giám định phương tiện vận tải, trang thiết bị máy móc, hàng hóa còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới do tổ chức giám định có thẩm quyền của nước Bên tài trợ xác nhận.

4. Đối với khoản viện trợ phi dự án là tri thức thì ngoài văn bản đã quy định trên cần bổ sung thêm các văn bản sau: Giấy chứng nhận sỡ hữu tri thức của bên tài trợ hoặc các giấy tờ khác chứng minh tri thức, khoa học đó (bằng cấp…).

5. Số lượng hồ sơ dự án:

Hồ sơ dự án trình thẩm định thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh được lập thành 05 bộ (trong đó có ít nhất là 01 bộ gốc); đối với

các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo Quy định tại khoản 2, Điều 12, Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch bằng tiếng Việt kèm theo. Chủ chương trình, dự án phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý và nội dung thống nhất giữa bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

Điều 7. Quy trình thẩm định

1. Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN lập hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

2. Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ

Hồ sơ khoản viện trợ PCPNN gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định phải đúng theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này. Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, nếu hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận để tổ chức thẩm định, nếu chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3. Bước 3: Thông báo, tổ chức thẩm định

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN, đồng thời chủ trì cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định.

4. Bước 4: Nội dung thẩm định

a) Đối với chương trình dự án viện trợ PCPNN bao gồm:

- Thông tin liên quan về đăng ký hoạt động hoặc tư cách pháp nhân của Bên tài trợ;

- Tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án với mục tiêu phát triển cụ thể của cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án:

- Tính khả thi của phương thức tổ chức thực hiện chương trình, dự án;

- Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án;

- Khả năng đóng góp của phía Việt Nam (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương) vào việc thực hiện chương trình, dự án;

- Những cam kết điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ của Bên tài trợ (nếu có); nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện chương trình, dự án;

- Hiệu quả, khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc;

- Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Căn cứ những nội dung nêu trên, các Sở ngành chức năng tham gia thẩm định chịu trách nhiệm chính về các nội dung, lĩnh vực thuộc thẩm quyền.

b) Đối với khoản viện trợ phi dự án PCPNN:

- Thông tin liên quan về đăng ký hoạt động hoặc tư cách pháp nhân của Bên tài trợ;

- Tính phù hợp của khoản viện trợ phi dự án với kế hoạch phát triển, nhu cầu cụ thể của cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện và thụ hưởng;

- Tính khả thi của phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp trong quá trình thực hiện khoản viện trợ phi dự án;

- Khả năng đóng góp của Việt Nam, đặc biệt là nguồn vốn đối ứng để tiếp nhận và sử dụng khoản viện trợ phi dự án;

- Những cam kết điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác đối với khoản viện trợ phi dự án của Bên tài trợ (nếu có); nghĩa vụ và cam kết của Bên tiếp nhận để thực hiện khoản viện trợ phi dự án;

- Những ý kiến đã được thống nhất hoặc còn khác nhau giữa các bên.

Căn cứ những nội dung nêu trên, các Sở ngành chức năng tham gia thẩm định chịu trách nhiệm chính về các nội dung, lĩnh vực thuộc thẩm quyền.

5. Bước 5: Tổng hợp ý kiến thẩm định

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các thành viên tham gia thẩm định:

- Nếu hồ sơ khoản viện trợ PCPNN đạt yêu cầu, được sự thống nhất ý kiến từ các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm định kèm theo biên bản thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.

- Nếu hồ sơ khoản viện trợ PCPNN không đạt yêu cầu, chưa được sự thống nhất ý kiến từ các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu cơ quan chủ quản khoản viện trợ PCPNN điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và tiến hành trở lại các bước như đã nêu trên.

- Thời hạn thẩm định đối với các khoản viện trợ PCPNN là không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010.

Điều 8. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Chương trình, dự án viện trợ PCPNN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Chương trình, dự án viện trợ PCPNN trong các trường hợp sau:

a) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các Chương trình, dự án viện trợ PCPNN trước đây đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không làm cho chương trình, dự án trở thành một trong các trường hợp thuộc quyền xem xét phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo khoản 1 Điều 22 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

2. Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Chương trình, dự án viện trợ PCPNN, gồm có:

a) Đơn điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

b) Báo cáo tình hình thực hiện dự án từ khi được phê duyệt đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

c) Ý kiến bằng văn bản hoặc thỏa thuận bổ sung của đơn vị sử dụng viện trợ.

d) Các tài liệu khác có liên quan.

e) Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được lập thành 05 bộ tài liệu, trong đó có ít nhất 01 bộ tài liệu gốc.

3. Việc tổ chức thẩm định, trình duyệt thực hiện tương tự như quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 9. Quản lý, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ PCPNN

Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan có liên quan định kỳ, đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tiếp nhận và triển khai các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và đề xuất hướng xử lý, giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan, phát sinh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ theo đúng thẩm quyền.

Điều 10. Các hình thức quản lý khoản viện trợ PCPNN

1. Chủ khoản viện trợ PCPNN trực tiếp tiếp nhận, quản lý, thực hiện khoản viện trợ PCPNN.

2. Đối với trường hợp thành lập Ban Quản lý chương trình, dự án để thực hiện chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN thì việc thành lập và hoạt động của Ban Quản lý chương trình, dự án tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 11. Quy định việc xác nhận viện trợ bằng tiền và hiện vật

Chủ dự án phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tờ khai xác nhận viện trợ (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên cơ sở tờ khai, Sở Tài chính tổng hợp số liệu và thực hiện hạch toán ngân sách nhà nước đối với viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước đồng thời kiểm soát chi theo các quy định hiện hành.

Chương IV

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định các khoản viện trợ PCPNN trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận (đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh); tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiếp nhận (đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ).

3. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN theo đúng chương trình, kế hoạch vận động viện trợ PCPNN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phối hợp tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

5. Tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu với Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan cấp trên về tình hình, kết quả quản lý, sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Ngoại vụ

1. Chủ trì tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong việc xem xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động đối với tổ chức PCPNN; hướng dẫn các tổ chức PCPNN hoạt động đúng quy định của Nhà nước, phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức PCPNN trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn thực hiện công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào theo quy định hiện hành.

2. Cung cấp, chia sẻ thông tin về các tổ chức PCPNN, các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN với các cơ quan, đơn vị có liên quan; thông tin về nhu cầu, lĩnh vực, địa bàn vận động viện trợ với các tổ chức PCPNN; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác xúc tiến vận động viện trợ PCPNN.

3. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN. Phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

4. Báo cáo tình hình hoạt động của các tổ chức PCPNN và tình hình liên quan đến việc quản lý, sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Tổ chức PCPNN.

6. Chủ trì tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về kêu gọi cứu trợ khẩn cấp.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn theo đúng quy định của Nhà nước.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN; phối hợp giải quyết các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách trong quá trình quản lý, sử dụng các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh

1. Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

3. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN; tham gia giám sát, kiểm tra báo cáo hoặc có ý kiến về các vấn đề liên quan trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

4. Thực hiện các công việc theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến việc tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

Điều 16. Vai trò của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

1. Là cơ quan đầu mối trong việc xúc tiến quan hệ và tổ chức vận động các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động vận động viện trợ PCPNN đảm bảo đúng chủ trương, chính sách, pháp luật; hướng dẫn các tổ chức PCPNN về trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật liên quan đến viện trợ PCPNN.

3. Phối hợp với cơ quan chủ quản trong quá trình tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN; phối hợp với Sở Ngoại vụ trong trường hợp kêu gọi cứu trợ khẩn cấp.

4. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án, khoản viện trợ PCPNN.

5. Báo cáo về tình hình, kết quả vận động các khoản viện trợ PCPNN theo thẩm quyền.

Điều 17. Vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Phối hợp tổ chức vận động các khoản viện trợ PCPNN phù hợp với chương trình, kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ PCPNN của tỉnh trong từng giai đoạn.

2. Ra lời kêu gọi cứu trợ khẩn cấp trong trường hợp tổ chức kêu gọi cứu trợ khẩn cấp và khi Trung ương và Tỉnh tổ chức phát động; tổ chức tiếp nhận, phân phối các khoản cứu trợ khẩn cấp thuộc chức năng, nhiệm vụ và có trách nhiệm quản lý đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu, đối tượng và thông báo đến Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Sở ngành, Đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp tổ chức vận động các khoản viện trợ PCPNN phù hợp với chương trình, kế hoạch xúc tiến vận động viện trợ PCPNN của tỉnh, phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị theo từng thời điểm cụ thể.

2. Tham gia thẩm định và trình bày kế hoạch, giải pháp triển khai thực hiện, quản lý sử dụng các khoản viện trợ PCPNN thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình vận động, tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN.

4. Báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu về việc tiếp nhận, thực hiện và quản lý các khoản viện trợ PCPNN thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Quá trình thực hiện Quy chế có phát sinh vướng mắc, hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo, phản ánh với Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trình